

Số: /BC-UBND

Càng Long, ngày tháng 12 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao cho xã An Trường năm 2020**

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg, ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ Về việc Ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg, ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP, ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 04/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 12/KH-UBND, ngày 13/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-BCĐ ngày 24/3/2020 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành Chương trình công tác năm 2020 của

Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020 về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 30/11/2011 của Huyện ủy Càng Long Về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 28-KH/HU ngày 22/7/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy Càng Long Về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 06-KH/BCĐ ngày 10/01/2020 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện Càng Long về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020;

Căn cứ Tờ trình số 109/TTr-UBND, ngày 03/12/2020 của Ủy ban nhân dân xã An Trường về việc thẩm tra, xét công nhận xã đạt nông thôn mới nâng cao năm 2020,

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã An Trường, UBND huyện Càng Long báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao cho xã An Trường năm 2020, cụ thể như sau:

## **I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra từ ngày 07/12/2020 đến ngày 09/12/2020.

### **1. Về hồ sơ:**

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân xã An Trường về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã An Trường đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020;

- Báo cáo kết quả thực hiện 20 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao năm 2020 của xã An Trường (kèm theo Phụ lục);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn xã An Trường và kết quả thực hiện 20 tiêu chí nông thôn mới năm 2020;

- Biên bản cuộc họp, đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2020 của xã An Trường.

- Báo cáo tình hình nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới nâng cao.

- Hình ảnh minh họa kèm theo.

### **2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới**

#### **1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch**

##### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

1.1. Có lưu trữ đầy đủ hồ sơ quy hoạch chung xây dựng xã Nông thôn mới được phê duyệt theo quy định; Công khai niêm yết quy hoạch được phê duyệt (kể cả khi điều chỉnh quy hoạch) và hoàn thành cắm mốc quy hoạch (có biên bản).

1.2. Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt (*thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương*).

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

1.1. Xã có thực hiện lưu trữ các hồ sơ liên qua đến thực hiện quy hoạch gồm: Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 về việc ban hành Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã An Trường; Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 07/3/2012 của UBND huyện Càng Long về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch và Quy định quản lý đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã An Trường, huyện Càng Long đến năm 2020 ( có kèm theo thuyết minh). Quy định Quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã An Trường, huyện Càng Long (*Kèm theo Quyết định số 2761 /QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của UBND huyện Càng long*)(01 bản); Quyết định số 5957/QĐ-UBND, ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch và Quy định quản lý theo đề án Quy hoạch chung xây dựng xã An Trường, huyện Càng Long đến năm 2030 (Điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới);

- Biên bản công bố quy hoạch trên địa bàn 12 ấp (12 bản);

- Quyết định số 5239/QĐ-UBND ngày 16/9/2011 về việc phê duyệt dự toán kinh phí quy hoạch xây dựng nông thôn mới(01 bản);

- Quyết định số 4331/QĐ-UBND ngày 22/7/2011 về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2011-2020(01 bản);

- Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 09/9/2010 về việc phê duyệt Kế hoạch rà soát và lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2010-2011;

- Kết quả thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã An Trường;

- Danh mục hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã An Trường.

1.2. Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức công bố quy hoạch và quy chế quản lý quy hoạch trên địa bàn toàn xã (có biên bản kèm theo).

**Kinh phí đã thực hiện:** 150 triệu đồng.

**c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về Quy hoạch theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**2. Tiêu chí số 2 về Giao thông**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

2.1. Có 100% đường liên xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp B ( $B_{\text{mặt}} \geq 3,5 \text{ m}$ ,  $B_{\text{nền}} \geq 5 \text{ m}$ ) trở lên.

2.2. Có 70% đường liên ấp được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp C ( $B_{\text{mặt}} \geq 3\text{m}$ ,  $B_{\text{nền}} \geq 4\text{m}$ ) trở lên.

2.3. Có 100% đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa và 70% đạt cấp kỹ thuật từ cấp D ( $B_{\text{mặt}} \geq 1,5\text{m}$ ,  $B_{\text{nền}} \geq 2\text{m}$ ) trở lên.

2.4. Có 70% đường trục chính nội đồng theo quy hoạch được cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp C ( $B_{\text{mặt}} \geq 3\text{m}$ ,  $B_{\text{nền}} \geq 4\text{m}$ ) trở lên.

2.5. Có 50% đường liên xã, liên ấp có hệ thống đèn chiếu sáng.

2.6. Thực hiện duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông đảm bảo không bị hư hỏng gây mất an toàn giao thông.

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình triển khai và nội dung thực hiện:

Nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí, trong năm 2020 Ủy ban nhân dân xã đã tăng cường huy động nguồn lực bằng nhiều hình thức để xây dựng các công trình giao thông trọng điểm trên địa bàn xã, cụ thể:

2.1. Đường liên xã và đường từ trung tâm xã đến huyện được nhựa hóa tổng số 18,1 km, số km nhựa hóa 18.1 km, đạt 100%.

2.2. Tỷ lệ đường liên ấp được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật tổng số 17,2 km, số km cứng hóa đạt chuẩn, đạt 17,2 km, chiếm tỷ lệ 100%.

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa và đạt cấp kỹ thuật từ cấp D là 21,12/21,12 km đạt 100%.

2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng 17,05/17,05km được cứng hóa đạt 100%. (do đường Khương Hòa dài 2,5 có kế hoạch làm vào đầu năm 2021).

2.5. Tỷ lệ đường liên xã, liên ấp có hệ thống đèn chiếu sáng: Trên địa bàn xã có 13,3km đường liên xã, liên ấp có hệ thống đèn chiếu sáng cụ thể như: Đường Hương lộ II từ ấp 3A đến 8A, đường hương lộ 7 từ ấp 3 đến ấp 8; Hương lộ 39 An Trường – An Trường A; Đường giữa ấp 5A.

2.6. Thực hiện duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông đảm bảo không bị hư hỏng gây mất an toàn giao thông: Các công trình giao thông được duy tu thường xuyên đảm bảo an toàn giao thông cụ thể như: đường vào trung tâm xã; đường giữa từ ấp 4A đến ấp 8A; đường cả thưng ấp 5A...

**Kinh phí đã thực hiện:** 5 tỷ 755 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách huyện: 3,2 tỷ đồng.

- Vốn dân góp: 2 tỷ 555 triệu đồng.

**c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về Giao thông theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

### **3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi:**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động  $\geq 90\%$

3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

3.1. Tỷ lệ đất nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động 1.825/1.857 ha đạt 98,27%. Toàn xã có 72 tuyến kênh dài 94,989/99,784km. Trong đó: kênh cấp I : 14 tuyến có 32,504 km được nạo vét; kênh cấp II : 08 tuyến có 19,07km được nạo vét; kênh cấp III 50 tuyến có 3,415 km được nạo vét. Toàn xã có 57 công, bọng ( 06 công vuông; 03 bọng phi 60; 10 bọng phi 80; 27 bọng phi 100 và 10 bọng phi 150). Các tuyến kênh hàng năm được nạo vét bằng cơ giới. Hiện bờ bao, đê bao được khép kín chủ động ứng phó triều cường và xâm nhập mặn.

3.2. Quyết định kiện toàn BCH PCTT và TKCN số 51/QĐ-UBND ngày 18/5/2020; Thông báo phân công thành viên phụ trách địa bàn số 15/TB-BCH ngày 18/5/2020; Kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn số 01/KH-BCHPCTT ngày 06/4/2020, Quyết định phê duyệt số 125/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 phê duyệt KH ứng phó sự cố TT&TKCN; Danh sách cán bộ tập huấn nâng cao năng lực PCTT; Phương án số 01/PA-BCĐPCTT&TKCN ngày 24/3/2020, Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 25/3/2020 phê duyệt KH ứng phó sự cố TT&TKCN phê duyệt phương án ứng phó thiên tai trên địa bàn xã. Kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn 5 năm số 10/KH-UBND ngày 22/4/2020. Có hệ thống truyền thanh đến các ấp cung cấp thông tin dự báo đúng quy định.

**c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về Thủy lợi theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

### **4. Tiêu chí số 4 về Điện:**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn.

4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện  $\geq 99\%$ .

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

4.1. Từ khi thực hiện Chương trình, đã triển khai thực hiện Dự án cung cấp điện cho các hộ chưa có điện chủ yếu là đồng bào Khmer trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (*Dự án 20.000 hộ*) và Dự án cải tạo đường dây dẫn điện nối đuôi không an toàn trên địa bàn huyện Càng Long, Hộ dân trên địa bàn xã sử dụng điện của Hợp tác xã điện, điện nông thôn và điện lực Càng Long.

+ Có 02 điện lưới gồm điện lưới Quốc gia và điện nông thôn.

+ Có 45,9439km đường dây trung áp và đường dây biên áp.

+ Có trạm biến áp dung lượng 3.501.5KVA

+ Có 59 bình hạ thế tổng dung lượng 3.501.5KVA.

+ Có 16.023km đường dây trung thế 01 pha.

+ Có 29,7409km đường dây hạ thế

4.2. Đến nay trên địa bàn xã có 3.379/3.379 hộ sử dụng điện thường xuyên và an toàn, chiếm tỷ lệ 100%.

**c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về Điện theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

## **5. Tiêu chí số 5 về Trường học**

### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia  $\geq 70\%$ .

### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Trên địa bàn xã có 06 điểm trường học, trong năm 2019 thực hiện đề án sáp nhập trường tiểu học An Trường D vào trường tiểu A An Trường, hiện tại xã có 5/6 trường học có cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn Quốc gia (Trường Mầm non Bé Ngoan đang xây dựng chưa kiểm tra công nhận). Trong đó có 3/6 trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia là Trường Tiểu học D An Trường; Tiểu học B An Trường và trường THCS A An Trường.

**c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về Trường học theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

## **6. Tiêu chí 6 về Cơ sở vật chất văn hóa**

### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã đảm bảo đạt theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi

6.3. Có 100% ấp hoặc liên ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa; khu thể thao phục vụ cộng đồng đạt theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6.4. Nhà văn hóa xã, ấp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả; có hàng rào (cây xanh hoặc hàng rào kiên cố; có trồng hoa, cây cảnh, sạch đẹp.

### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

6.1. Xã có 01 Nhà văn hóa với 03 phòng chức năng và 01 hội trường đa năng với 250 chỗ ngồi. Có 01 khu thể thao với các hạng mục gồm: nhà quản lý, nhà để xe, 01 sân bóng đá mi ni với tổng diện tích khu thể thao trên 10.750 m<sup>2</sup>;

6.2. Xã có khu vui chơi, giải trí, thể thao trẻ em và người cao tuổi tại khu thể thao xã, sân cụm hành chính xã, sân các trường học.

6.3. Xã có 12/12 ấp có xây dựng Nhà văn hóa ấp cơ bản với quy mô đảm bảo mỗi nhà văn hóa có 01 hội trường đáp ứng 50 chỗ ngồi trở lên. Khu thể thao của ấp sử dụng các cơ sở vật chất hiện có như: Nhà văn hóa các ấp; các cơ sở tôn giáo trên địa bàn, trường học, sân nhà dân

6.4. Các nhà văn hóa xã, ấp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên. Trong năm 2020, đầu tư xây dựng mới 06 nhà văn hóa ấp 3,4,6,8,3A,4A. Tổng vốn đầu tư của 06 công trình là 2,2 tỷ đồng, do ngân sách huyện đầu tư.

**Kinh phí: tổng kinh phí 2,2 tỷ đồng.**

- Ngân sách huyện: 2,2 tỷ đồng.

c) **Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về Cơ sở vật chất văn hóa theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**7. Tiêu chí 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

**a) Yêu cầu của tiêu chí**

7.1. Xã có chợ nông thôn được xây dựng kiên cố và có đầy đủ các công trình phụ trợ; các khu vực kinh doanh được bố trí, sắp xếp bảo đảm các yêu cầu về trật tự, vệ sinh, văn minh.

7.2. Trên địa bàn xã không có tụ điểm kinh doanh tự phát, chợ phải có bố trí khu vực riêng dành cho những người buôn bán nhỏ, hàng rong, quà vật, người kinh doanh không thường xuyên tại chợ và phải chấp hành Nội quy chợ.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

7.1. Xã có đầu tư xây dựng chợ xã với quy mô 3 nhà lồng, cùng các hạng mục khác như sân chợ, nhà vệ sinh công cộng...trên 3.081 m<sup>2</sup>. Đến nay, hệ thống hạ tầng thương mại của xã đã đảm bảo nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa của người dân trong xã và vùng lân cận.

7.2. Xã không có tụ điểm kinh doanh tự phát. Khu vực chợ xã có bố trí khu vực riêng dành cho những người buôn bán nhỏ, hàng rong, quà vật, người kinh doanh không thường xuyên tại chợ.

c) **Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**8. Tiêu chí 8 về Thông tin và truyền thông:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí**

8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính.

8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet.

8.3. Có trạm truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp; duy trì hoạt động thường xuyên.

8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, trong đó hệ số máy tính/số cán bộ công chức xã đạt tối thiểu 0,5 (50%).

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

8.1 Xã có 01 điểm Bưu điện văn hóa xã tại ấp 7A diện tích 200m<sup>2</sup> là điểm giao dịch của các doanh nghiệp bưu chính để tiếp nhận, phát thư, gói, kiện hàng hóa, đảm bảo đúng quy định.

8.2. Có đường truyền internet đến 12/12 ấp, đáp ứng nhu cầu cập nhật thông tin liên lạc trong xã.

8.3 Trong năm 2019, xã được Sở Thông tin và truyền thông hỗ trợ 01 trạm truyền thanh và hệ thống loa đến 12/12 ấp, kinh phí thực hiện 180.656.000 đồng.

8.4. Trong công tác quản lý và điều hành xã có ứng dụng công nghệ thông tin; Các bộ phận chuyên môn của xã đều có bố trí máy vi tính, thực hiện nhận và gửi văn bản điều hành qua mạng internet. Hiện xã có 31 máy vi tính/34 cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách, đạt 91,17 %.

**Kinh phí: tổng kinh phí 180.565.000 đồng.**

- Ngân sách tỉnh đầu tư: 180.565.000 đồng

**c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về Thông tin và truyền thông theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

## **9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư**

### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

9.1. Không còn nhà tạm, dột nát; không còn hộ không có đất ở phát sinh trước 03 năm trở lên so với năm đánh giá.

9.2. Có ít nhất 80% hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng.

### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

9.1. Để thực hiện việc xóa nhà tạm, Ủy ban nhân dân xã đã phối hợp với MTTQ VN xã và các ngành, các cấp huyện, tỉnh vận động mạnh thường quân xây dựng mới và nâng cấp sửa chữa: 210 căn nhà tình nghĩa, 07 căn nhà tình thương, nhà đại đoàn kết. Hiện xã không còn nhà tạm bợ dột nát, hộ không có đất ở.

9.2. Toàn xã có 3.085/3.379 căn nhà đạt chuẩn của Bộ Xây dựng, chiếm 84,07% so với tổng số nhà trên địa bàn xã.

**Kinh phí thực hiện: 148 tỷ 645 đồng. Trong đó:**

-Ngân sách xã: 147 tỷ 975 triệu đồng.

- Vốn vận động: 670 triệu đồng.

**c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về Nhà ở dân cư theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

## **10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập**

### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

Thu nhập bình quân đầu người/năm tối thiểu phải bằng 1,2 lần so với thu nhập bình quân đầu người/năm theo quy định hàng năm của xã đạt chuẩn nông thôn mới.

### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Theo kết quả điều tra thu nhập năm 2019 trên địa bàn xã là 57,12 triệu đồng/người/năm. Với mức đầu tư các công trình xây dựng cơ bản, cùng với tình hình chuyển đổi cơ cấu sản xuất phù hợp, hiệu quả của người dân, khả năng thu



nhập bình quân đầu người năm 2020 của An Trường đạt 62.430.000 đồng/người/năm .

**c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về Thu nhập theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

### **11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (*trừ các hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội*)  $\leq 2\%$ .

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Qua điều tra hộ nghèo cuối năm 2019 xã còn 37 hộ nghèo (trong đó có 17 hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội) chiếm 0,50 %. (*Giảm 91 hộ so với năm 2014* ).

**c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về Hộ nghèo theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

### **12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động  $\geq 95\%$ .

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Trên cơ sở phát triển mới các cơ sở tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ đã góp phần giải quyết được việc làm cho lao động tại chỗ. Song song đó UBND xã xác nhận hồ sơ Xin việc làm cho 428 người đi lao động trong và ngoài tỉnh (xuất khẩu lao động 06 trường hợp). Toàn xã có 5.324 người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động. Số lao động có việc làm 5.312 chiếm 99,77% so với dân số trong độ tuổi có khả năng lao động; Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo trên địa bàn xã là 3.619/5.312 lao động có việc làm, đạt 68,12%.

**c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về lao động có việc làm theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

### **13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

13.1. Xã có ít nhất 01 hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và thật sự có hiệu quả.

13.2. Xã có ít nhất 01 mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm gắn với định hướng phát triển dịch vụ du lịch tại địa phương.

13.3. Thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

13.4. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đạt từ 80% trở lên; có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

13.1. Xã có 01 HTX nông nghiệp với 24 thành viên, HTX hoạt động đúng quy định của Luật HTX năm 2012 (tổng vốn điều lệ 91 triệu đồng). Hiện HTX đang kinh doanh các mặt hàng gạo và cung ứng vật tư nông nghiệp. Hợp tác xã có ký kết hợp đồng cung cấp đầu vào và tiêu thụ sản phẩm với từng thành viên của hợp tác xã, đồng thời có ký kết hợp đồng cung ứng vật tư nông nghiệp cho thành viên hợp tác xã (*Có hợp đồng ký kết*).

13.2. Toàn xã có 17 tổ hợp tác sản xuất theo Nghị định 151, Nghị định 77 có 446 thành viên.

13.3. Xã có xây dựng Kế hoạch số 02 /KH-UBND ngày 06/3/2020 Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn xã An Trường năm 2020.

13.4. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đạt 95 %;

Xã có tổ hợp tác Nông nghiệp Tân Tiến áp dụng quy trình sản xuất.

**c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về tổ chức sản xuất theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

14.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở mức độ 3.

14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (*phổ thông, bổ túc, học nghề*).

14.3. Tỷ lệ học sinh bỏ học, học sinh vi phạm đạo đức hạnh kiểm kém, vi phạm pháp luật.

14.4. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.

14.5. Tỷ lệ lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn cho phù hợp

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

14.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở mức độ 3.

Tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 25: 1.878

Số người đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 1.873/5.216 đạt 99,73%

Tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 35: 5.216

Số người đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 5.052/5.216 đạt 96,86%

Tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 60: 11.464

Số người đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 10.592/11.464 đạt 92,39%

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ và Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về điều kiện đảm bảo và nội quy, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Trên cơ sở đó xã An Trường đủ tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiêu học mức độ 3.

14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học ( *Phổ thông, bổ túc, học nghề*)

Phát động ngày toàn dân đưa trẻ đến trường năm học 2020 – 2021 với tổng số 2.702 học sinh, trong đó: Mẫu giáo, Mầm non: 475 học sinh; Tiểu học: 1.149 học sinh; Bậc THCS: 1.078 học sinh. Có 10 học sinh bỏ học trong dịp hè (tiểu học 02 em, THCS là 8 em)

Năm học 2020-2021 tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông ( *Phổ thông, bổ túc, học nghề*) là 170/173 đạt 98,26%

14.3. Tỷ lệ học sinh bỏ học, học sinh vi phạm đạo đức hạnh kiểm kém, vi phạm pháp luật.

Trong năm học 2019-2020 có 16 học sinh bỏ học giữa chừng (trong đó bậc trung học cơ sở 13 em, bậc tiểu học 03 em).

Năm học 2020-2021 tỷ lệ học sinh bỏ học, học sinh vi phạm đạo đức hạnh kiểm kém, vi phạm pháp luật chưa có.

14.4. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo: Đến nay có 3.619/5.312 lao động có việc làm qua đào tạo đạt 68,12%.

14.5. Phối hợp các ngành chuyên môn huyện, tỉnh tổ chức được 08 cuộc hội thảo và tập huấn thuộc các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, phòng chống thiên tai...

**c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về Giáo dục và Đào tạo theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

## **15. Tiêu chí số 15 về Y tế:**

### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

15.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT trên dân số theo niên giám thống kê đạt 90%.

15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia.

15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)  $\leq 15\%$

15.4. Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân được bảo đảm; công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch được thực hiện có hiệu quả; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.

### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

15.1. Xã có 13.132/13.920 người dân tham gia bảo hiểm y tế, đạt 94,34 %, theo báo cáo đến ngày 30/11/2020 của Bảo hiểm Xã hội huyện Càng Long

15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế năm 2018 theo Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

15.3. Toàn xã có 81/987, chiếm tỷ lệ 14.08% trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi.

15.4. Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân được bảo đảm; công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch được thực hiện có hiệu quả; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.

**c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về Y tế theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

## **16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa:**

### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

16.1. Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn ấp Văn hóa và ấp Nông thôn mới.

16.2. Chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được đảm bảo và thu hút nhiều người dân tham gia; bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương; xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, dân chủ, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện

16.3. Các cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn xã phải đạt chuẩn văn hóa.

### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

16.1. Đến thời điểm hiện tại trên địa bàn xã có 12/12 ấp được Ủy ban nhân dân huyện công nhận đạt chuẩn ấp văn hóa, ấp nông thôn mới, đạt 100%.

16.2. Hàng năm Ủy ban nhân dân xã phối hợp cùng các ngành, các cấp tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao thu hút đông đảo người dân trong và ngoài xã tham gia như:

- Toàn xã có 12 câu lạc bộ đàn ca tài tử, 02 câu lạc bộ võ thuật Taewondo, 01 câu lạc bộ dưỡng sinh, 01 câu lạc bộ sân cầu lông, 01 sân bóng đá, 11 sân bóng chuyền, các ấp tổ chức giao lưu văn nghệ trung bình mỗi năm trên 185 tiết mục, thu hút trên 2.045 lượt người tham dự.

- Hưởng ứng ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân hàng năm có khoảng 450 vận động viên tham gia chạy với cự ly 1.000m.

- Tổ chức giao lưu bóng đá với các xã bạn được 14 cuộc, có 168 vận động viên tham gia.

16.3. Toàn xã có 3/3 cơ quan được công nhận đạt chuẩn văn hóa, có 6/6 trường học đạt chuẩn văn hóa, 5/5 cơ sở thờ tự tín ngưỡng văn minh.

**c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về Văn hóa theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

## **17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm:**

### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

17.1. Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% hộ dân trên địa bàn toàn xã.

17.2. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch:

- Nước hợp vệ sinh  $\geq 99\%$

- Nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung  $\geq 75\%$

17.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

17.4. Xây dựng cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.

17.5. Xã có quy hoạch nghĩa trang hoặc xây dựng nghĩa trang liên xã (*đối với xã có đông đồng bào dân tộc Khmer có nhà hỏa táng*); Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

17.6. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, chợ, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định; (trong đó: tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định là  $\geq 70\%$ ; có mô hình, tổ chức phân loại và thu gom rác).

17.7. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo 3 sạch  $\geq 80\%$

17.8. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường  $\geq 80\%$

17.9. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

17.10. Các cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn xã phải đạt chuẩn văn hóa.

17.11. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải đảm bảo xa khu dân cư và được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh bao bọc xung quanh.

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

17.1. Xã có 01 nhà máy nước và liên kết với 02 nhà máy nước liên xã đảm bảo phục vụ 100% nhu cầu nước sạch cho người dân toàn xã và các vùng lân cận.

17.2. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch.

+ Số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh: 3.379/3.379 hộ, chiếm 100%

+ Số hộ sử dụng nước sạch: 3.215/3.379 hộ chiếm 95,14%

17.3. Toàn xã có 139/139 cơ sở sản xuất kinh doanh, công ty, doanh nghiệp trên địa bàn đều có lập đề án, kế hoạch BVMT đơn giản và được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo các quy định về môi trường chiếm 100% và thường xuyên phối hợp với phòng Tài nguyên – môi trường huyện để kiểm tra nhắc nhở do đó các cơ sở thực hiện đúng theo đề án đã được phê duyệt

17.4. Căn cứ Chỉ thị số 15/CT-TU ngày 28/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng và vệ sinh môi trường tại các đô thị, khu dân cư, trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. UBND xã An Trường có xây dựng kế hoạch thực hiện hành động cải thiện cảnh qua môi trường, hàng tuần ra quân dọn dẹp, chặt dọn cây xanh, trồng chăm sóc hoa các tuyến đường hoa của xã Hương lộ II, Hương lộ 7 và dọc theo các tuyến đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh – sạch – đẹp, không có hoạt động

làm suy giảm môi trường và được vệ sinh thường xuyên, sạch sẽ. Xã vận động dân thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình, xây dựng tuyến đường hoa chiều dài 10,7 km. Tuyến đường xanh-sạch-đẹp huyện công nhận 04 tuyến, xã có 490/3.379 hộ cải tạo vườn, chỉnh trang cắt tỉa lại hàng rào cây xanh không gây cản trở giao thông Hương lộ II, Hương lộ 7 và các tuyến đường đạt 70,34 %. Thường xuyên thu dọn vệ sinh, rác thải định kỳ, phát quang bụi rậm, khơi thông kênh rạch; đường làng ngõ xóm sạch sẽ và các hộ gia đình giữ gìn vệ sinh chung trong xã. Các khu vực công cộng (đường giao thông, kênh, rạch,...) không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn không đúng quy định, gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường. Diện tích trồng cây xanh trên địa bàn xã đảm bảo  $2m^2$  /người (27.626  $m^2$ /13.813 người)

Phối hợp với Hội Cựu chiến binh xã thành lập 12 câu lạc bộ môi trường trên địa bàn 12/12 ấp có 387 thành viên. Chi hội phụ nữ có thành lập 03 tổ hạn chế sử dụng túi nilong và sản phẩm nhựa sử dụng một lần có 66 thành viên ở 03 ấp cụ thể ấp 7A, ấp 3 và ấp 7. Phối hợp tuyên truyền vận động người dân thực hiện các phần việc của hộ để đạt hộ nông thôn mới cụ thể như: vệ sinh nhà cửa gọn gàng, thoáng mát, trồng hàng rào cây xanh, thu gom xử lý rác đúng quy định, chăn nuôi hợp vệ sinh ... hàng tuần có phân công tổng vệ sinh cơ quan, trồng chăm sóc hoa xung quanh cơ quan. Thực hiện đề án thu gom rác thải sinh hoạt tại các khu vực công cộng, đường giao thông.

17.5. Nghĩa trang nhân dân: Xã có quy hoạch nghĩa trang liên xã An Trường-Tân Bình- Tân An.

17.6. Chất thải rắn: Xã không có quy hoạch bãi rác tập trung, chất thải rắn được thu gom và vận chuyển đến bãi rác tập trung của huyện một phần, phần còn lại cũng được thu gom xử lý tại chỗ, đảm bảo không gây tồn đọng thành những điểm ô nhiễm, cụ thể:

- Đối với chất thải sinh hoạt: Toàn xã có 7/12 ấp có chất thải rắn sinh hoạt được thu gom tập kết về bãi rác tập trung của huyện; Phối hợp với Hội Cựu chiến binh xã thành lập 12 câu lạc bộ môi trường trên địa bàn 12/12 ấp có 387 thành viên. Chi hội phụ nữ có thành lập 03 tổ hạn chế sử dụng túi nilong và sản phẩm nhựa sử dụng một lần có 66 thành viên ở 03 ấp cụ thể ấp 7A, ấp 3 và ấp 7. Phối hợp tuyên truyền vận động người dân thực hiện các phần việc của hộ để đạt hộ nông thôn mới cụ thể như: vệ sinh nhà cửa gọn gàng, thoáng mát, trồng hàng rào cây xanh, thu gom xử lý rác đúng quy định, chăn nuôi hợp vệ sinh ... hàng tuần có phân công tổng vệ sinh cơ quan, trồng chăm sóc hoa xung quanh cơ quan. Thực hiện đề án thu gom rác thải sinh hoạt tại các khu vực công cộng, đường giao thông.

Đối với hộ dân vùng sâu được hướng dẫn xử lý rác tại gia đình bằng hình thức thu gom đốt hoặc chôn.

- Đối với chất thải nông nghiệp: xã có bố trí 10 bể chứa rác thải bảo vệ thực vật, tập trung bố trí tại các khu vực sản xuất lúa, màu, vùng trồng lác và cây ăn trái...thường xuyên vận động nông dân sau khi pha chế, phun, rải phân, thuốc bảo vệ thực vật phải thu gom bao, gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng vào bể chứa đúng theo quy định.

- Đối với chất thải tại Trạm y tế Có ký hợp đồng với Bệnh viện Sản Nhi xử lý chất thải rắn y tế của Trạm y tế xã, chất thải rắn trạm y tế được phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

- Nước thải: Khu dân cư tập trung của xã có hệ thống thoát nước đảm bảo nhu cầu tiêu, thoát nước của khu vực; không có hiện tượng tắt nghẽn, tù đọng, ngập úng nước thải.

17.7. Xã có 3.085 hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch chiếm 91,29%. Các hộ gia đình đều có hệ thống tiêu và thoát nước đảm bảo vệ sinh không gây ứ đọng, không làm ô nhiễm môi trường không khí và nguồn nước xung quanh.

17.8. Toàn xã 1.683 hộ chăn nuôi. Số hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường 1.394/1.683 hộ chăn nuôi đạt 82,82%. Các hộ còn lại đang khắc phục về khoảng chuồng và mùi hôi đảm bảo theo yêu cầu.

17.9. Trên địa bàn xã có 254 cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bao gồm: 15 cơ sở trên lĩnh vực nông nghiệp, 105 cơ sở trên lĩnh vực công thương và 19 cơ sở trên lĩnh vực y tế). Trong đó có 115 hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm được kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và 1.862 hộ ký bản cam kết sản xuất thực phẩm an toàn.

17.10. Các cơ quan, tổ chức: Có 06 điểm trường, 01 trạm y tế, 01 cơ quan công an, 01 cơ quan quân sự, 01 tập trung của xã hàng tuần thực hiện ngày thứ bảy tình nguyện, chủ nhật xanh và bố trí thời gian vệ sinh cơ quan đơn vị 1 tuần/ lần, có bố trí thùng chứa rác thải nên cảnh quan đảm bảo xanh – sạch – đẹp đạt 100%.

17.11. Xã không có quy hoạch khu xử lý rác thải tập trung của xã.

**c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về Môi trường và an toàn thực phẩm theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

## **18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:**

### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.

18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.

18.3. Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”.

18.4. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt từ loại khá trở lên.

18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

18.1. Xã có 34/34 cán bộ, công chức đáp ứng tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể quy định tại Nghị định số 114/2003/NĐ – CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Quyết định số 04/2004/QĐ – BNV

ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 112/2011/NĐ – CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn đạt chuẩn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị địa phương, không bị xử lý kỷ luật.

18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định bao gồm: Tổ chức Đảng; Chính quyền; Tổ chức chính trị xã hội: Mặt trận tổ quốc, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh được thành lập theo quy định.

18.3. Năm 2020, Đảng bộ, chính quyền xã được kiểm tra đánh giá đạt “*Hoàn thành tốt nhiệm vụ*”.

18.4. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã năm 2020 đều đạt mức cao nhất.

18.5. Ngày 22/01/2020, UBND huyện Càng Long ban hành Quyết định số 146/QĐ-UBND công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019.

18.6. Đảng bộ xã có 03 nữ là Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy xã. Trong đó 01 nữ là lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, 01 Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ xã, 01 công chức văn phòng thống kê xã (Phụ trách văn phòng Đảng ủy).

Xã không có trường hợp bạo lực gia đình, không còn tư tưởng trọng nam khinh nữ; 100% phụ nữ nghèo phụ nữ khuyết tật có nhu cầu đều được vay vốn từ các chương trình của NHCSXH; không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.

**c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

## **19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh:**

### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương .

19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: trên địa bàn xã không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

19.3. Tỷ lệ ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

19.4. Xã có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

19.1. Ban chỉ huy Quân sự xã tham mưu kịp thời cho Đảng ủy – UBND xã xây dựng Nghị quyết, Kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác Quốc phòng Quân sự địa phương; đồng thời hàng năm bổ sung hoàn chỉnh các kế hoạch sẵn sàng chiến đấu theo quy định.

Đăng ký quản lý và đưa đi bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng an ninh đúng đối tượng, đạt chỉ tiêu trên giao. Bên cạnh đó, Ban chỉ huy Quân sự xã phối hợp với



Công an xã tổ chức tuần tra theo Nghị định số 03 và 133 của Chính phủ, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Hàng năm tổ chức đăng ký quản lý công dân trong độ tuổi Dân quân, phát triển mới và xây dựng lực lượng Dân quân bảo đảm chất lượng, biên chế đúng theo đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh và Luật Dân quân tự vệ. Đến nay, xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ xã đạt 0,87 % so với tổng số dân trên địa bàn xã, Đảng viên đạt 16,02% so với quân số; Đoàn viên đạt 83,97 % so với quân số. Chi bộ Quân sự hàng năm duy trì đều có Chi ủy.

Hàng năm đưa cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự xã và Dân quân Cơ động, Dân quân Tự vệ, Dân quân Bình chủng, Dân quân năm thứ nhất về trên tập huấn, huấn luyện đạt 100 % chỉ tiêu được giao. Tham gia hội thi Tổ Dân quân bắn mục tiêu bay thấp bằng súng BB đảm bảo an toàn người, vũ khí thiết bị và an toàn giao thông. Đồng thời trong huấn luyện, Ban chỉ huy Quân sự xã kết hợp với các ban ngành, đoàn thể xã, áp dụng công tác dân vận và thực hiện các phần việc theo chỉ thị 15 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới có 42 cuộc với quân số tham gia trên 1.356 đồng chí, qua đó được nhân dân đồng tình ủng hộ và được cấp trên đánh giá cao.

Tổ chức đăng ký thanh niên trong độ tuổi 17 cấp xã, huyện đạt 100 % công dân trong độ tuổi. Đồng thời đăng ký, quản lý biên chế lực lượng Dự bị động viên đúng quy định, chất lượng. Đảng viên trong lực lượng DBĐV đạt 16,76 % so với quân số. Thực hiện tốt công tác chính sách 290; 142; 62; 49 của Thủ tướng Chính phủ.

Bảo đảm nơi ăn, nghỉ cho 03 Dân quân thường trực và chế độ chính sách cho lực lượng Dân quân Tự vệ đúng theo đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh và Luật Dân quân Tự vệ.

19.2. Xã không có trường hợp khiếu kiện đông người, kéo dài; không có tội phạm và tệ nạn xã hội như ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút.

Năm 2020 xã được công nhận đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự theo Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của UBND huyện Càng Long.

19.3. Xã có 12/12 ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT đạt 100%.

19.4. Xã có 147 tổ tự quản; 03 công phòng, chống tội phạm và 05 câu lạc bộ phát hiện, tố giác và vây bắt tội phạm.

**c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về Quốc phòng và An ninh theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

## **20. Tiêu chí số 20 về Hành chính công:**

### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

20.1. Xã có thực hiện cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định.

20.2. Thực hiện tốt các quy định về dân chủ cơ sở; các áp có xây dựng và thực hiện hiệu quả quy ước, hương ước cộng đồng.

20.3. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

20.1. Xã có thực hiện cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân theo quy trình ISO 9001/2015. Nhận và trả kết quả hồ sơ đúng hạn đạt 100%. Đồng thời, thực hiện tốt công tác gửi, nhận văn bản điện tử qua hệ thống i-Office.

20.2. Xã thực hiện tốt các quy định về quy chế văn hóa cơ sở, những nội dung phải công khai cho dân biết, Nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp, những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết đều được thực hiện nghiêm túc đúng theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH 11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Cụ thể như các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, nạo vét kênh, các chính sách hỗ trợ của các cấp, bình xét nghĩa vụ quân sự, lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, hương ước, quy ước,... đưa ra dân bàn, dân biết, dân kiểm tra, giám sát, biểu quyết.

20.3. 100% cán bộ, công chức xã chấp hành tốt Quy chế văn hóa công sở tại Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/08/2007 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước, Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ; Quyết định Số 03/2007/QĐ-BNV, ngày 26 tháng 02 năm 2007 về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương như: trang phục gọn gàng, giao tiếp và ứng xử lịch sự, hòa nhã, đặc biệt khi tiếp xúc với nhân dân,... thể hiện đúng chuẩn mực của người cán bộ, công chức.

**c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí:** Đạt tiêu chí về Hành chính công theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

## **II. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ:** Ủy ban nhân xã thực hiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, có hồ sơ chứng minh cho mức độ đạt của từng tiêu chí.

**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới**

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã là 20 đã được Ủy ban nhân dân huyện Càng Long thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 20/20 tiêu chí, đạt 100%.

**3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới**

- Ủy ban nhân dân xã An Trường không có nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới nâng cao.

### **III. KIẾN NGHỊ**

Qua kết quả thẩm tra của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long thì xã An Trường đã hội đủ các điều kiện của một xã nông thôn mới nâng cao theo quy định. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh sớm tổ chức phúc tra lại để xem xét công nhận xã An Trường huyện Càng Long đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2020.

#### ***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh Trà Vinh;
- TT. Huyện ủy, TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng NN - PTNT huyện;
- LĐVP, NCKT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Lụa**